

Name:

Class: S8

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ngày/.....



Grammar:

Use of English:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 1 + 2 – GRAMMAR REVISION & FCE READING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	awe-inspiring (adj)	gây kinh ngạc	7	let-down (n)	một sự thất vọng
2	gripping (adj)	hấp dẫn, lôi cuốn	8	blockbuster (n)	phim bom tấn
3	futuristic (adj)	hiện đại, tiên tiến	9	psychological (adj)	liên quan đến tâm lý
4	universal (adj)	mang tính toàn cầu, phổ biến	10	on the edge of your seat (idiom)	hấp dẫn đến mức căng thẳng, hồi hộp
5	prequel (n)	phần tiền truyện	11	baddy (n)	nhân vật phản diện
6	capture (v)	nắm bắt được	12	timeless (adj)	vượt thời gian

B. EXTRA STRUCTURE

1	suggest + V-ing	tường thuật lại lời gợi ý của ai đó	3	S + was/were made + to V-inf...	ai bị bắt buộc phải làm gì (bị động)
2	It is forbidden to + V-inf	diễn tả việc gì đó bị cấm, không được phép thực hiện	4	wish + had + V3	ước đã làm gì trong quá khứ (nhưng không làm được)

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; idiom: thành ngữ; V3 = động từ ở dạng quá khứ phân từ; V-inf: động từ nguyên thể*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

- _____ should I address the letter about my application?
A. Who B. Whom **C. To whom** D. With whom
- _____ are you relying to complete the project on time?
A. Who B. Whom C. On whom D. With whom
- The company's success depends heavily on its employees' sense of _____.
A. happiness B. responsibility C. direction D. emotion
- With _____ are we supposed to discuss this matter?
A. who B. whom C. of which D. for whom
- Improving the _____ of education in rural areas is a significant challenge for policymakers.
A. awareness B. requirement C. quality D. patience
- _____ is this decision based, and how will it affect the team?
A. On what B. In whom C. To whom D. About what

II. Circle the correct answer.

Environmental protection involves many initiatives (0) _____ people can participate. Among these, planting trees and reducing waste are key activities (1) _____ local communities can focus.

(2) _____ sustainable energy is crucial for combating climate change. For example, using solar panels reduces the need for fossil fuels, (3) _____ harm the environment.

Another important aspect is recycling, (4) _____ helps to reduce the amount of waste sent to landfills. Encouraging small actions, such as (5) _____ reusable bags or composting, can make a significant difference over time.

Governments also play a key role by introducing policies (6) _____ individuals and businesses are motivated to adopt eco-friendly practices.

- | | | |
|------------------------|------------------|--------------------|
| 0. <u>A</u> . in which | B. about which | C. on which |
| 1. A. to which | B. which | C. on which |
| 2. A. Transitioning to | B. Transition to | C. Transitioned to |
| 3. A. that | B. which | C. in which |
| 4. A. in which | B. which | C. that |
| 5. A. using | B. to use | C. used |
| 6. A. for which | B. by which | C. about which |

III. Find the mistakes in the sentences and correct them.

0. *The project which the team is working will require a lot of dedication and perseverance.*

Error: _____ *which* _____ → _____ *on which* _____

1. *The author created a guide which many useful tips were included for beginners.*

Error: _____ → _____

2. *Who are you discussing this matter?*

Error: _____ → _____

3. *His braveness helped him save the child from the fire.*

Error: _____ → _____

4. *Raising awareness about environmental issues play an essential role in reducing pollution.*

Error: _____ → _____

5. *The policy, from it many citizens will benefit, has been criticized for its lack of clarity.*

Error: _____ → _____

IV. Rewrite the sentences so that they mean the same. Use a V-ing form at the beginning of every sentence.

0. *It's exciting to explore a new city for the first time.*

→ *Exploring a new city for the first time is exciting.*

1. *It is risky to climb tall mountains without the proper equipment.*

→ _____.

2. *It's tiring to wait in a long queue at the airport.*

→ _____.

3. *It's fun to watch fireworks on New Year's Eve.*

→ _____.

4. *It's impossible to succeed in business without taking any risks.*

→ _____.

5. *It's rewarding to help others achieve their goals.*

→ _____.

D. CAMBRIDGE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

For questions 25–30, complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word given. Do not change the word given. You must use between two and five words, including the word given.

Example (0):

I'll be very happy when I go on holiday.

FORWARD

I'm **LOOKING FORWARD TO GOING** on holiday.

25. I regret not telling her the truth earlier.

WISH

I _____ the truth earlier.

26. The manager will show you what to do when you arrive.

SHOWN

You _____ what to do when you arrive.

27. "Why don't we go for a walk this afternoon?" suggested Sarah.

GOING

Sarah _____ for a walk that afternoon.

28. I don't have enough time to read books these days.

HAD

If only I _____ to read books these days.

29. You're not allowed to park here.

FORBIDDEN

It _____ park here.

30. The teacher made the students rewrite their essays.

MADE

The students _____ their essays by the teacher.

Con hãy làm bài nghe theo link sau (từ 23p28s – 31p43s):
<https://youtu.be/cEUoH8cpJx0?si=2OZUMPm4Z9sZJZC7&t=1408>

You will hear five short extracts in which people are talking about their favourite films. For questions **19–23**, choose from the list (**A–H**) the reason each speaker gives for his or her preference. Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

A It has a complex storyline.

B You want to know what happens next.

Speaker 1 **19**

C It is highly amusing.

Speaker 2 **20**

D It has an unexpected ending.

Speaker 3 **21**

E It is very true to life.

Speaker 4 **22**

F The special effects are interesting.

Speaker 5 **23**

G The acting is outstanding.

H It has an unusual theme.